TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2019/HS-ST
Ngày: 06/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quyết Thắng

Ông Đỗ Đức Tuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Nhật - Thư ký TAND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Quang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T

Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam

Sinh năm: 1979, tại thị xã PY, tỉnh TN.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm XĐ, xã TT, thị xã PY, tỉnh TN.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12

Họ và tên bố: Nguyễn Văn T1; Sinh năm: 1957; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T2; Sinh năm: 1956; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Anh chị em ruột: Bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Vợ: Trần Thị H; Sinh năm: 1980; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

- Nhân thân:

+ Ngày 20/7/2011 bị TAND quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Ngày 30/11/2011 bị TAND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 14 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù của TAND quận Hoàng Mai nên phải chấp hành hình phạt tù chung cho cả hai bản án là 26 tháng.

Đến ngày 28/4/2013, T đã chấp hành xong 02 bản án nêu trên (Đã được xóa án tích)

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/5/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Văn Giang.

Theo lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

Anh **Nguyễn Văn N** – Sinh năm: 1996 (VM)

Trú tại: Khu 9 – Xã HL – Huyện CK – tỉnh PT

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh **Nguyễn Văn T3** – Sinh năm: 1990 (VM)

HKTT: Thôn 9 – TV – TH – TH

Chị **Lâm Thị T4** – Sinh năm: 1969 (VM)

Trú tại: Số 7 – Ngách 37 – Ngõ 37 – Phố ĐĐ – Phường TT – Quận HM – Thành phố Hà Nội

*** Người làm chứng:**

Anh **Chử Văn Q** – Sinh năm: 1990 (VM)

Trú tại: PL – LN – VG – HY

Anh **Chu Thanh C** – Sinh năm: 1988 (VM)

Trú tại: Ấp KN – TT – VG – HY

Bà **Nguyễn Thị H1** – Sinh năm: 1968 (VM)

Trú tại: DT – TL – VG – HY.

Anh **Nguyễn Tiến M** – Sinh năm: 1985 (VM)

Trú tại: Thôn TB - Xã ML - Huyện ĐA - Thành phố Hà Nội

Anh **Nguyễn Văn L** – Sinh năm: 1988 (VM)

Trú tại: YV – DT – KC – HY

Chị **Tống Thị Giang L** – Sinh năm: 1980 (VM)

Trú tại: Số 4 – Tổ 8 – Đường LS – Phường TT1 – Quận LB – Thành phố Hà Nội

Chị **Trần Thị H** – Sinh năm: 1980 (CM)

Trú tại: Xóm XĐ – Xã TT – Thị xã PY – tỉnh TN.

Anh **Đặng Văn L1** – Sinh năm: 1980 (VM)

Trú tại: Số 87A – Tổ 32 – Phường TL – Quận HBT – Thành phố Hà Nội

Anh **Nguyễn Văn T4** – Sinh năm: 1984 (VM)

Trú tại: Số 20 – Ngõ 54 – Phố MTB – Phường VT – Quận HBT – Thành phố Hà Nội.

Anh **Trần Văn T5** – Sinh năm: 1992 (VM)

HKTT: TL – TL1 – TH1 – TH

Bà **Vi Ngọc Phương** – Sinh năm: 1969 (VM)

Trú tại: Số 132 – LTN – Quận HBT – Thành phố Hà Nội

Chị **Trần Thị H2** – Sinh năm: 1980 (VM)

Trú tại: Số 125 – Đường TT2 – Phường MĐ – Quận HM – Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là đối tượng đã 02 lần bị xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" năm 2011. Hiện tại T là lao động tự do trên địa bàn thành phố Hà Nội, do thiếu tiền chi tiêu nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác.

Khoảng 10 giờ ngày 09/5/2019, T mang 01 dùi cui điện màu đen, trên vỏ có ghi 928 TYPE giấu ở túi quần phía trước bên phải rồi đi bộ từ đường MK, thành phố Hà Nội đến phía trước chung cư HB Green City số 505 đường MK thuộc địa phận phường VT, quận HBT, thành phố Hà Nội thì thấy anh Nguyễn Văn N là lái xe ôm Grab đang đỗ xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh - đen - bạc, biển kiểm soát 19G1 – 172.54 ở ven đường để chờ đón khách. Quan sát thấy anh N người gầy nhỏ, không nhanh nhẹn nên T xác định sẽ chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh N.

T đi đến bảo anh N chở đi tìm các bãi cát để mua cát về cho công trình xây dựng, nhằm mục đích đưa anh N đến địa điểm thuận lợi sẽ thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô. Do không biết ý định của T nên anh N đồng ý chở T ngồi phía sau đi theo sự chỉ dẫn của T qua cầu VT về hướng quận LB rồi tiếp tục đi đến thôn TB, xã ML, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, vào bãi cát do anh Nguyễn Tiến M quản lý. Tại đây T xuống xe giả vờ nói chuyện với anh M về việc mua cát, T cho anh M số điện thoại của T là 0962387256. Sau đó T tiếp tục chỉ đường cho anh N đi vào một số bãi cát khác ở nhiều khu vực khác nhau nhưng đều chưa tìm được địa điểm thuận lợi để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, anh N chở T trên đường đê sông Hồng thuộc địa phận huyện KC, tỉnh HY thì xe bị thủng xăm nên anh N và T đã vào quán sửa chữa xe của anh Nguyễn Văn L ở thôn YV, xã DT, huyện KC để vá xe. Sau đó, T tiếp tục chỉ đường cho anh N chở T đến địa phận xã TL3, huyện VG, tỉnh HY thì T bảo anh N đi vào đường cánh đồng ngoài đê, đến khu vực ngã ba đường giao nhau thuộc địa phận thôn TL2, xã TL3. Lúc này khoảng 20 giờ, T thấy trời đã tối, khu vực này không có đèn điện lại cách xa khu dân cư và vắng người qua lại nên T bảo anh N dừng xe lại để nghe điện thoại. T xuống xe đi ra phía sau, giả vờ nghe điện thoại, còn anh N dừng xe, tắt máy và ngồi trên xe đợi.

Thấy anh N mặt hướng về phía trước không để ý nên T đi từ phía sau tiến lại gần anh N, tay phải lấy dùi cui điện trong túi quần phía trước bên phải ra, dí đầu phát điện của dùi cui vào giữa lưng anh N rồi bật chế độ giật điện. Anh N thấy tê ở lưng và nghe thấy tiếng nổ "tạch, tạch, tạch" phát ra từ dùi cui điện nên hoảng sợ nổ máy xe để đi thì T đã kéo xe lại làm xe bị đổ xuống đường gẫy gương chiếu hậu bên trái, anh N bị ngã ra đường. Do hoảng sợ nên anh N đã để lại xe mô tô rồi bỏ chạy về phía đường lên đê sông Hồng. T dựng xe lên rồi đi về thành phố Hà Nội.

Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, T đi xe máy biển kiểm soát 19G1 – 172.54 đến thuê trọ tại phòng 304 nhà nghỉ LC ở số nhà 125 đường TT, phường MĐ, quận HM , thành phố Hà Nội, đến sáng ngày 10/5/2019, T đi xe đến khu vực chợ G thuộc phường Phố H3, quận HBT, thành phố Hà Nội gặp một người phụ nữ khoảng 60 tuổi (không rõ tên, địa chỉ) mua một biển số xe mô tô 29D1 – 863.94 đồng thời đưa thẻ căn cước tên Lâm Thị T4 có địa chỉ ở 504/189 MK, quận HBT, thành phố Hà Nội cho người phụ nữ. Sau đó người phụ nữ đã làm đăng ký xe giả tên Lâm Thị T4 cho T với số tiền 2.500.000đ (cả đăng ký và biển số xe). T tháo biển số xe 19G1 – 172.54 vứt vào thùng rác và lắp biển số 29D1 – 863.94 vào xe của anh N.

Sau đó T sử dụng chiếc điện thoại di động Iphone màu vàng của T đăng bài lên mạng xã hội Facebook để bán xe mô tô của anh N đã lắp biển số 29D1 – 863.94 và để lại số điện thoại 0962387256 của T cho người mua liên hệ. Đến khoảng 20 giờ ngày 14/5/2019, anh Nguyễn Văn T3 đã gọi điện cho T và hẹn gặp tại khu vực cầu MĐ, quận HM, thành phố Hà Nội để mua xe. Sau đó T đã bán xe cho anh T3 với số tiền 12.000.000đ.

Đối với anh N, sau khi bị cướp tài sản đã làm đơn trình báo đến Cơ quan CSĐT - Công an huyện Văn Giang.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện Văn Giang đã tiến hành rà soát, xác minh đến ngày 17/5/2019 phát hiện Nguyễn Văn T đang ở tại nhà nghỉ LC có địa chỉ 125 đường TT nên đã yêu cầu T về trụ sở Công an huyện Văn Giang làm việc.

Tại Cơ quan Điều tra, T đã khai nhận hành vi cướp tài sản của anh N và giao nộp: *01 điện thoại di động màu vàng trắng, phía sau có ghi chữ VERTU đã qua sử dụng bên trong nắp sim số 0946398579 và sim số 0967402458; 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, trắng đã qua sử dụng bên trong nắp sim số 0962387256; 01 đồng hồ đeo tay làm bằng kim loại màu vàng, trắng nhãn hiệu RADO đã qua sử dụng; 01*

ví da màu nâu, mặt ngoài có chữ BOSS – HUGO đã cũ, 01 căn cước công dân mang tên Lâm Thị T4, số tiền 1.920.000đ, 01 quần bò dài màu xanh và 01 đôi giầy thể thao màu đen có đế màu trắng.

Cùng ngày 17/5/2019, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Văn Giang đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T tại phòng 304 nhà nghỉ LC ở số 125 đường TT đã thu giữ: *01 túi giả da màu nâu, trên túi có chữ Jeep bên trong túi có 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng trắng, mặt dây chuyền có hình con rồng gắn đá màu đỏ, 01 sạc điện thoại Iphone và 01 dùi cui điện có vỏ bằng nhựa màu đen, trên vỏ có ghi 928 TYPE vẫn còn hoạt động; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng; 01 túi nilon màu xanh bên trong có 01 áo dài tay loại vải bò màu xanh sẫm, trên tay áo có chữ ATHLETIC, 01 quần dài màu đen, loại quần vải có gắn mác in chữ BILUXURY.*

Ngày 15/5/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Văn Giang kết luận: *"01 xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 19G1 – 17254 màu xanh – đen - bạc, đăng ký lần đầu tháng 10 năm 2014. Xe sử dụng được 5 năm, có giá trị 10.500.000đ"*.

Tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKSVG ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Cướp tài sản", theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà hôm nay:

Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau khi phân tích đánh giá các chứng cứ chứng minh tội phạm, phân tích tính nguy hiểm của tội phạm do bị cáo gây ra, hậu quả của hành vi đối với xã hội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Cướp tài sản".

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm tạm giam 19/5/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Áp dụng điều 47, khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong có dấu của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, bên trong có 01 dùi cui điện vỏ nhựa màu đen có ghi chữ 928 TYPE; 01 gương chiếu hậu xe máy vẫn còn cần gương bằng kim loại, mặt gương kích thước 11,5 cm x 6 cm, mặt sau gương màu đen.

Giao lại Cơ quan CSĐT – Công an huyện Văn Giang: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 014790 mang tên chủ xe Lâm Thị T4; 01 hồ sơ xin việc được niêm phong dán kín bên trong chứa 01 biển số 29D1 – 863.94.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T: 01 điện thoại di động màu vàng trắng, phía sau có ghi chữ VERTU đã qua sử dụng bên trong nắp sim số 0946398579 và sim số 0967402458; 01 đồng hồ đeo tay làm bằng kim loại màu vàng, trắng nhãn hiệu RADO đã qua sử dụng; 01 ví da màu nâu, mặt ngoài có chữ BOSS – HUGO đã cũ; 01 quần bò dài màu xanh và 01 đôi giầy thể thao màu đen có đế màu trắng; 01 túi giả da màu nâu, trên túi có chữ Jeep bên trong túi có 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng trắng, mặt dây chuyền có hình con rồng gắn đá màu đỏ, 01 sạc điện thoại Iphone; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng; 01 túi nilon màu xanh bên trong có 01 áo dài tay loại vải bò màu xanh sẫm, trên tay áo có chữ ATHLETIC; 01 quần dài màu đen, loại quần vải có gắn mác in chữ BILUXURY.

Tịch thu, phát mại sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, trắng đã qua sử dụng bên trong lắp sim số 0962387256 được niêm phong trong phong bì ký hiệu M3.

Trả lại bà Lâm Thị T4 01 căn cước công dân mang tên Lâm Thị T4.

Trả lại anh Nguyễn Văn T3 số tiền 1.920.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải tiếp tục trả lại anh Nguyễn Văn T3 số tiền 10.080.000đ.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp khách quan với những lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời

khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 09/5/2019, tại khu vực ngã ba đường thuộc cánh đồng thôn TL2, xã TL3, huyện VG, tỉnh HY, Nguyễn Văn T đã có hành vi dùng dùi cui điện dí vào vùng lưng anh Nguyễn Văn N ở Khu 9, xã HL, huyện CK, tỉnh PT là lái xe ôm Grab rồi bật chế độ giật của dùi cui điện làm anh N bị tê ở vùng lưng nên sợ hãi đã để lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa Wave biển kiểm soát 19G1-172.54 trị giá 10.500.000đ rồi bỏ chạy, T đã bán xe lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Bị cáo Nguyễn Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã có hành vi lợi dụng lúc trời tối, vắng người, sử dụng dùi cui điện là phương tiện nguy hiểm, tấn công anh Nguyễn Văn N với mục đích làm anh N bị tê, giật rồi chiếm đoạt tài sản của anh N. Hành vi này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành vi mua 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 014790 mang tên chủ xe Lâm Thị T4; 01 biển số 29D1 – 863.94 của Nguyễn Văn T:

Hành vi này là hành vi độc lập sau khi hành vi phạm tội cướp tài sản của T đã hoàn thành, mục đích của T chỉ để tiêu thụ tài sản là chiếc xe máy đã cướp được của anh N.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Giang đã tiến hành xác minh, rà soát đối với Công an phường Phố H3, nơi T khai mua những đồ vật trên của một người phụ nữ khoảng 60 tuổi, cắt tóc ngắn, cao khoảng 1m60, không rõ tên tuổi, địa chỉ (*Bút lục số 83*); Do sự việc xảy ra trên địa bàn quận HBT, thành phố Hà Nội nên cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang đã có công văn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tiến hành điều tra, xác minh người phụ nữ đã bán biển số, đăng ký xe máy làm giả cho T (*Bút lục số 82*). Tuy nhiên đến nay chưa có kết quả, chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ của người phụ nữ này. Vì vậy chưa có căn cứ xác định hành vi, vai trò của người phụ nữ trong việc bán và của T trong việc sử dụng biển số, giấy đăng ký xe mô tô giả.

Do đó, kiến nghị các cơ quan CSĐT có thẩm quyền tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật. Khi đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý hành vi, vai trò của T trong việc sử dụng biển số và đăng ký xe máy giả trong vụ án khác.

Anh Nguyễn Văn T3 không biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave lắp biển kiểm soát 29D1 – 863.94 là tài sản do T phạm tội mà có, đã mua lại của T để sử dụng, nên Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự đối với anh T3 là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người

khác, mà còn gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân về việc bảo vệ tài sản, sức khỏe của mình, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị tại địa phương.

Bị cáo đã từng 2 lần bị đưa ra xét xử cũng về hành vi chiếm đoạt tài sản, mặc dù đã được xóa án tích nhưng bị cáo không coi đó là bài học, tự tu dưỡng bản thân, chỉ vì lười lao động, muốn hưởng thành quả trên sức lao động của người khác, bị cáo đã bất chấp pháp luật, bất chấp sự an toàn của người khác, đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần thiết phải đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh, áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm mà hành vi bị cáo đã gây ra.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; Người bị hại là anh Nguyễn Văn N có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. HĐXX sẽ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6]. Để đáp ứng yêu cầu phòng chống tội phạm, căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án, HĐXX xét thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, biết rõ hành vi của mình là rất nguy hiểm nhưng vẫn cố tình thực hiện; Sau khi phạm tội đã thực hiện thủ đoạn tinh vi để tiêu thụ tài sản nhằm trốn tránh cơ quan pháp luật, điều đó chứng tỏ bị cáo là người khó cải tạo giáo dục nên cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học ngăn ngừa tội phạm chung cho mọi người.

[7]. Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy bị cáo T không có công việc ổn định, bản thân bị cáo không có thu nhập, không có tài sản gì giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 014790 mang tên chủ xe Lâm Thị T4; 01 hồ sơ xin việc được niêm phong dán kín bên trong chứa 01 biển số 29D1 – 863.94 sẽ hoàn lại cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang để bảo quản, phục vụ công tác điều tra, làm rõ hành vi của người phụ nữ bán chiếc biển số và đăng ký xe cho bị cáo T.

- 01 dùi cui điện có vỏ bằng nhựa màu đen, trên vỏ có ghi 928 TYPE; 01 gương chiếu hậu xe máy do không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu cho tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, trắng đã qua sử dụng trong lắp sim số 0962387256 là phương tiện bị cáo đã sử dụng để liên lạc khi phạm tội và tiêu thụ tài sản, vì vậy cần tịch thu, phát mại sung ngân sách nhà nước;

- Các tài sản gồm: 01 điện thoại di động màu vàng trắng, phía sau có ghi chữ VERTU đã qua sử dụng bên trong lắp sim số 0946398579 và sim số 0967402458; 01 đồng hồ đeo tay làm bằng kim loại màu vàng, trắng nhãn hiệu RADO đã qua sử dụng; 01 ví da màu nâu, mặt ngoài có chữ BOSS – HUGO đã cũ; 01 quần bò dài màu xanh và 01 đôi giầy thể thao màu đen có đế màu trắng; 01 túi giả da màu nâu, trên túi có chữ Jeep; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng trắng, mặt dây chuyền có hình con rồng gắn đá màu đỏ, 01 sạc điện thoại Iphone; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng; 01 túi nilon màu xanh bên trong có 01 áo dài tay loại vải bò màu xanh sẫm, trên tay áo có chữ ATHLETIC, 01 quần dài màu đen, loại quần vải có gắn mác in chữ BILUXURY, bị cáo không sử dụng vào mục đích phạm tội, nay sẽ trả lại bị cáo để sử dụng.

- Trả lại bà Lâm Thị T4 01 căn cước công dân số 027169000096 mang tên Lâm Thị T4.

- Số tiền 1.920.000đ do bị cáo bán chiếc xe máy đã chiếm đoạt của anh N cho anh T3 mà có, nay sẽ hoàn trả lại anh T3 số tiền này.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là anh Nguyễn Văn N đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh – đen – bạc, anh Nam xác định chiếc xe bị mất biển kiểm soát, gãy gương chiếu hậu bên trái và trầy xước mặt lạ phía trước nhưng thiệt hại không đáng kể nên tự nguyện không yêu cầu T phải bồi thường. Đối với tiền xe ôm chở T đi trong ngày 09/5/2019, anh N xác định hết 600.000đ nhưng cũng tự nguyện không yêu cầu T phải chi trả. Vì vậy không đặt ra xem xét.

Anh T3 yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho anh số tiền đã mua xe là 12.000.000đ. Bị cáo T chấp nhận theo yêu cầu của anh T3. Do HĐXX đã tuyên trả lại anh T3 số tiền 1.920.000đ nên bị cáo T còn tiếp tục phải trả lại anh T3 số tiền 10.080.000đ.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 38; điểm a, b khoản 1 điều 46; điểm a, c khoản 1, khoản 2 điều 47, khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106; điều 135; điều 136; điều 331; điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Cướp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 19/5/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm ngày) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong có dấu của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, bên trong có 01 dùi cui điện vỏ nhựa màu đen có ghi chữ 928 TYPE; 01 gương chiếu hậu xe máy vẫn còn cần gương bằng kim loại, mặt gương kích thước 11,5 cm x 6 cm, mặt sau gương màu đen;

- Hoàn lại Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 014790 mang tên chủ xe Lâm Thị T4; 01 hồ sơ xin việc được niêm phong dán kín bên trong chứa 01 biển số 29D1 – 863.94.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T: 01 điện thoại di động màu vàng trắng, phía sau có ghi chữ VERTU đã qua sử dụng bên trong lắp sim số 0946398579 và sim số 0967402458; 01 đồng hồ đeo tay làm bằng kim loại màu vàng, trắng nhãn hiệu RADO đã qua sử dụng; 01 ví da màu nâu, mặt ngoài có chữ BOSS – HUGO đã cũ; 01 quần bò dài màu xanh và 01 đôi giầy thể thao màu đen có đế màu trắng; 01 túi giả da màu nâu, trên túi có chữ Jeep; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng trắng, mặt dây chuyền có hình con rồng gắn đá màu đỏ, 01 sạc điện thoại Iphone; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng; 01 túi nilon màu xanh bên trong có 01 áo dài tay loại vải bò màu xanh sẫm, trên tay áo có chữ ATHLETIC, 01 quần dài màu đen, loại quần vải có gắn mác in chữ BILUXURY.

- Tịch thu, phát mại sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, trắng đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0962387256 được niêm phong trong phong bì ký hiệu M3;

- Trả lại bà Lâm Thị T4 01 căn cước công dân số 027169000096 mang tên Lâm Thị T4.

- Trả lại anh Nguyễn Văn T3 số tiền 1.920.000đ.

(Các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/10/2019 và phiếu ủy nhiệm chi ngày16/10/2019 giữa Công an huyện Văn Giang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang)

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại anh Nguyễn Văn T3 số tiền 10.080.000đ (Mười triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với số tiền phải thi hành, nếu bên phải thi hành chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 504.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Bích Thủy

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA, TAND tỉnh HY.
- VKSND tỉnh Hưng Yên.
- CA huyện Văn Giang.
- VKS huyện Văn Giang.
- Chi cục THADS huyện Văn Giang.
- UBND xã TT, thị xã PY, tỉnh TN.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu.